



## Biểu Phí Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

Biểu phí có hiệu lực từ ngày 27/12/2024

Các mức phí đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

### A. TÀI KHOẢN GIAO DỊCH (VND VÀ NGOẠI TỆ)

Mở tài khoản tại HSBC Việt Nam	Miễn phí
Đóng tài khoản trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	300.000VND/tài khoản
Phí dịch vụ nếu Số dư trung bình hàng tháng thấp hơn quy định (*)	200.000VND/tháng/tài khoản
Phí đối với tài khoản không hoạt động (không có giao dịch ghi nợ từ 24 tháng trở lên)	100.000VND/tháng/tài khoản
Quy định về số dư tài khoản: - (*) Số dư trung bình hàng tháng tối thiểu: 3.000.000VND/tài khoản. - Số dư tối thiểu duy trì trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở: 300.000VND/tài khoản.	

### B. GIAO DỊCH TIỀN MẶT (KHÔNG ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ĐA KỲ HẠN/TIỀN GỬI TIẾT KIỆM)

1. Nộp Tiền Mặt		
VND	Tiền mệnh giá lớn (50.000VND trở lên)	Miễn phí
	Tiền mệnh giá nhỏ (dưới 50.000VND và có tổng số tiền nộp mệnh giá nhỏ từ 10 triệu VND trở lên cho 1 lần gửi)	0,22% (tối thiểu 110.000VND)
Ngoại tệ	Tiền mệnh giá lớn (50USD hoặc tương đương trở lên)	Miễn phí
	Tiền mệnh giá nhỏ (mệnh giá dưới 50USD và có tổng số tiền nộp mệnh giá nhỏ từ 1.000USD (hoặc tương đương) trở lên cho 1 lần gửi)	0,33% (tối thiểu 110.000VND)
2. Rút Tiền Mặt		
VND		Miễn phí
Ngoại tệ	+ USD	0,22% (tối thiểu 55.000VND)
	+ Ngoại tệ khác	0,77% (tối thiểu 110.000VND)
Lưu ý: - Đối với giao dịch tiền mặt có giá trị từ 1 tỷ bằng VND, khách hàng phải thông báo cho Ngân Hàng tối thiểu 24 giờ (trong ngày làm việc) trước khi thực hiện giao dịch tiền mặt. - Đối với giao dịch tiền mặt bằng ngoại tệ, tương tự như trên sẽ được áp dụng và tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của loại ngoại tệ đó tại Ngân Hàng.		

### C. BẢN SAO KÊ

Bản sao kê điện tử (dành cho khách hàng có đăng ký email và/hoặc sử dụng Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến)	Miễn phí	
Bản sao kê giấy hàng tháng (dành cho khách hàng không có địa chỉ email đăng ký và không sử dụng Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến)	Trong nước	Miễn phí
	Ngoài nước	110.000VND/chu kỳ sao kê
In các giao dịch chưa lập sao kê thông qua Dịch vụ Ngân hàng Qua Điện Thoại hoặc tại máy ATM của Ngân Hàng HSBC	22.000VND/bản sao	
In bản sao kê theo yêu cầu	22.000VND/bản sao/chu kỳ sao kê + phí bưu điện (nếu có)	

### D. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC (Thẻ)

1. Phí thường niên	Miễn phí
2. Phí rút tiền mặt	
Tại Việt Nam + ATM của HSBC + ATM của mạng VISA/PLUS, bao gồm máy ATM của Techcombank <sup>(2)</sup>	Miễn phí 5.000VND/giao dịch
Tại nước ngoài + ATM của HSBC (*) + ATM của mạng VISA/PLUS (**)	45.000VND/giao dịch 60.000VND/giao dịch
3. Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
4. Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000VND/bản
5. Phí cấp lại thẻ	110.000VND/thẻ
6. Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	Miễn phí
7. Phí quản lý giao dịch nước ngoài	4% số tiền trên mỗi giao dịch
8. Phí đăng ký hàng năm Dịch vụ tín nhân thông báo cho giao dịch trên Thẻ và Tài Khoản liên kết với Thẻ	132.000VND/năm
(*) Áp dụng cho ATM của HSBC tại nước ngoài thuộc mạng lưới ATM HSBC Toàn Cầu. ATM của HSBC tại một số quốc gia không thuộc mạng lưới ATM HSBC Toàn Cầu nhưng nằm trong mạng VISA/PLUS sẽ được xem là ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS.	
(**) Việc rút tiền mặt tại ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS có thể phát sinh thêm một khoản Phí do ngân hàng đó quy định.	

### E. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TỰ ĐỘNG

1. Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại	Miễn phí	
2. Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí	
3. Phí thay thiết bị bảo mật		
Hết pin	+ Trong nước + Nước ngoài	Miễn phí 440.000VND
Mất hoặc hư hỏng	+ Trong nước + Nước ngoài	220.000VND 550.000VND
Lưu ý: Phí trên không bao gồm mọi khoản thuế và các Phí phát sinh ở nước ngoài. Khách hàng sẽ tự chi trả thuế và Phí phát sinh này (nếu có)		

### F. THẺ TÍN DỤNG HSBC

	Thẻ HSBC TravelOne	Thẻ HSBC Bạch Kim Online/ HSBC Live+	Thẻ HSBC Cash Back	Thẻ HSBC LiveFree (*)	
Phí Phát Hành (Năm đầu tiên)	Thẻ chính	1.500.000VND	800.000VND	800.000VND	350.000VND
	Thẻ phụ	Miễn phí	400.000VND	400.000VND	250.000VND
Phí thường niên (Từ năm thứ 2)	Thẻ chính	1.500.000VND	800.000VND	800.000VND	350.000VND
	Thẻ phụ	Miễn phí	400.000VND	400.000VND	250.000VND

(\*) Biểu phí áp dụng cho Thẻ Visa Chuẩn mở trước ngày 01/04/2022. Không áp dụng Phí thường niên cho Thẻ Visa Chuẩn mở từ ngày 01/04/2022.

Phí ứng tiền mặt tại máy ATM (cho mỗi giao dịch)	4% số tiền mặt ứng trước (tối thiểu 50.000VND)
Khoản thanh toán tối thiểu	bao gồm: (i) 5% của số dư nợ* (tối thiểu 50.000VND) và (ii) khoản trả góp hàng tháng** (nếu có) và (iii) nợ quá hạn hoặc khoản vượt hạn mức tín dụng (tùy thuộc vào khoản nào lớn hơn tại thời điểm lập bảng sao kê). * Số dư nợ là Số dư nợ cuối kỳ sau khi trừ đi khoản (ii) ** Áp dụng cho giao dịch trả góp đăng kí mới từ 28/11/2015

**F. THẺ TÍN DỤNG HSBC**

Lãi suất (Không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ dư nợ cuối kỳ trên tài khoản thẻ tín dụng được thanh toán và chậm nhất ngày đến hạn thanh toán của mỗi kỳ sao kê) Lãi suất này có thể thay đổi cho phù hợp với các quy định của pháp luật		Thẻ HSBC TravelOne	34%/năm		
		Thẻ HSBC Bạch Kim Online/ HSBC Live+	36%/năm		
		Thẻ HSBC Cash Back	36%/năm		
		Thẻ HSBC LiveFree	36%/năm		
Chương Trình Trả Góp Tại Thương Hiệu Bạn Chọn (Chỉ áp dụng cho những đối tác không nằm trong Chương trình trả góp 0% lãi suất)	Thời hạn	Nhóm 1		Nhóm 2	
		Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)
+ Thẻ HSBC TravelOne + Thẻ Bạch Kim Online/ HSBC Live+ + Thẻ HSBC Cash Back	3 tháng	0,49%	0%	1,99%	0%
	6 tháng	1,49%	0%	3,99%	0%
	9 tháng	2,49%	0%	4,99%	0%
	12 tháng	2,99%	0,5%	5,99%	0%
	24 tháng	0,49%	0,75%	2,49%	0,75%
36 tháng	0,49%	0,75%	2,99%	0,75%	
+ Thẻ HSBC LiveFree	3 tháng	0,49%	0%	1,49%	0%
	6 tháng	1,49%	0%	3,99%	0%
	9 tháng	2,49%	0%	4,99%	0%
	12 tháng	2,99%	0,5%	5,49%	0%
	24 tháng	0,49%	0,75%	2,49%	0,75%
36 tháng	0,49%	0,75%	2,99%	0,75%	
Chương Trình Trả Góp Tại Thương Hiệu Bạn Chọn (Chỉ áp dụng cho những đối tác không nằm trong Chương trình trả góp 0% lãi suất)	Thời hạn	Nhóm 3		Nhóm 4	
		Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)
+ Thẻ HSBC TravelOne + Thẻ HSBC Bạch Kim Online/ HSBC Live+ + Thẻ HSBC Cash Back	3 tháng	2,49%	0,5%	2,99%	0,5%
	6 tháng	4,49%	0,5%	4,99%	0,5%
	9 tháng	5,49%	0,5%	5,99%	0,5%
	12 tháng	6,49%	0,75%	6,99%	0,75%
	24 tháng	2,99%	0,75%	3,49%	0,75%
36 tháng	3,49%	0,75%	3,99%	0,75%	
+ Thẻ HSBC LiveFree	3 tháng	1,99%	0,5%	2,49%	0,5%
	6 tháng	4,49%	0,5%	4,99%	0,5%
	9 tháng	5,49%	0,5%	5,99%	0,5%
	12 tháng	4,99%	0,75%	5,49%	0,75%
	24 tháng	2,99%	0,75%	3,49%	0,75%
36 tháng	3,49%	0,75%	3,99%	0,75%	
(*)/(**) Phí chuyển đổi và lãi suất áp dụng tương ứng với từng nhóm đối tượng Khách hàng được định nghĩa như sau: - Nhóm 1: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng trên 3 tháng, yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam, có lịch sử thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong 6 tháng gần nhất, chưa có chuyển đổi trả góp nào tại HSBC. - Nhóm 2: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng trên 3 tháng, yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam, có lịch sử thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong 6 tháng gần nhất, đã có chuyển đổi trả góp trước đây tại HSBC. - Nhóm 3: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng dưới 3 tháng hoặc khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam và chỉ thanh toán một phần sao kê hàng tháng từ 1 đến 3 tháng trong 6 tháng gần nhất. - Nhóm 4: Khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam và chỉ thanh toán một phần sao kê hàng tháng từ 4 đến 6 tháng gần nhất, hoặc Khách hàng yêu cầu trả góp không thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam. (**) Lãi suất áp dụng mỗi tháng được tính trên số tiền được yêu cầu chuyển đổi trả góp ban đầu					
Phí chậm thanh toán		3% dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 80.000VND – tối đa 630.000VND)			

**F. THẺ TÍN DỤNG HSBC**

Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	80.000VND/bản
Phí vượt hạn mức tín dụng	Thẻ HSBC TravelOne: 100.000VND Thẻ HSBC Bạch Kim Online / HSBC Live+: 100.000VND Thẻ HSBC Cash Back: 100.000VND Thẻ HSBC LiveFree: 50.000VND
Phí cấp lại thẻ (cho thẻ bị thất lạc hoặc hư hỏng)	200.000VND
Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Phí in bản sao biên nhận giao dịch	100.000VND/bản
Phí thay đổi hạn mức tín dụng	Miễn phí
Phí thay đổi loại hình đăng ký thẻ/hạng thẻ	100.000VND/lần
Phí chuyển Số Dư Có trong Thẻ Tín Dụng vào Tài Khoản	50.000VND/lần
Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra (trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ)	100.000VND
Phí quản lý giao dịch nước ngoài	1,99% giá trị mỗi giao dịch + Thẻ HSBC TravelOne + Thẻ HSBC Bạch Kim Online/ HSBC Live+ + Thẻ HSBC Cash Back + Thẻ HSBC LiveFree
	3,5% giá trị mỗi giao dịch 3,5% giá trị mỗi giao dịch 3,75% giá trị mỗi giao dịch

**G. CHUYỂN KHOẢN**

<b>1. Nhận tiền vào tài khoản tại HSBC Việt Nam</b>	Miễn phí	
<b>2. Chuyển tiền (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam)</b> *Lưu ý: Mọi phí phát sinh thêm tại các ngân hàng khác (bao gồm cả phí ngân hàng đại lý) sẽ do khách hàng chi trả.		
<b>2.1. Trong nước</b>		
+ Giao dịch tại quầy	0,022% (tối thiểu 15.000VND – tối đa 880.000VND)	
+ Ngân Hàng Trực Tuyến		
- Chuyển khoản thường	0,022% (tối thiểu 15.000VND – tối đa 550.000VND)	
- Chuyển khoản nhanh NAPAS 24/7 (chuyển VND trong nước)	2.000VND	
▪ ≤ 500.000VND		
▪ 500.000VND < 500.000.000VND	0,0275% (tối thiểu 15.000VND)	
<b>2.2. Nước ngoài</b>		
+ Phí chuyển tiền	Giao dịch tại quầy	0,22% (tối thiểu 440.000VND – tối đa 4.400.000VND)
	Ngân Hàng Trực Tuyến	0,11% (tối thiểu 220.000VND – tối đa 2.200.000VND)
	Dành cho mục đích: Định cư, Du học, và Khám chữa bệnh ở nước ngoài	Miễn phí
	(Áp dụng cho người Việt Nam cư trú thực hiện giao dịch chuyển tiền tại quầy sau khi mua ngoại tệ tại HSBC)	
+ Phí ngân hàng trung gian (nếu người chuyển tiền thanh toán phí này)		600.000VND
<b>3. Tra soát/Sửa đổi/Hủy bỏ</b>		
+ Lệnh chuyển tiền trong nước		44.000VND/yêu cầu
+ Lệnh chuyển tiền nước ngoài		880.000VND/yêu cầu

**H. TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/TIỀN GỬI TIẾT KIỆM**

Lãi suất áp dụng cho tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm rút trước ngày đáo hạn là lãi suất thấp nhất của tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**I. SỔ SÉC (CHỈ ÁP DỤNG CHO VND)**

Cung ứng séc	33.000VNĐ/quyển
Thanh toán séc	
+ Người thụ hưởng đồng thời là người ký phát séc + Người thụ hưởng không phải là người ký phát séc (Người ký phát séc thanh toán phí này)	Miễn phí 0,02% (tối thiểu 11.000VNĐ – tối đa 1.100.000VNĐ)
Hủy séc	11.000VNĐ/tờ

## J. CÁC PHỤ PHÍ KHÁC

<b>1. Phát chuyển nhanh (phát hành bởi HSBC Việt Nam)</b> + Trong nước + Nước ngoài	110.000VNĐ/thư 440.000VNĐ/thư
<b>2. Phí bưu điện (phát hành bởi HSBC Việt Nam)</b> + Trong nước + Ngoài nước	55.000VNĐ/thư 110.000VNĐ/thư
<b>3. Chi thị định kỳ (Chuyển tiền) (thiết lập và chỉnh sửa)</b>	Miễn phí
<b>4. Thư xác nhận của Ngân Hàng/ Xác nhận số dư tại một thời điểm</b>	55.000VNĐ/bản
<b>5. Phí rút tiền mặt từ 500.000.000VNĐ trở lên trong vòng 48 tiếng kể từ lúc gửi</b>	0,055% (tối đa 3.300.000VNĐ)
<b>6. Yêu cầu dịch vụ Ứng tiền mặt khẩn cấp trong tập đoàn HSBC</b>	440.000VNĐ/ yêu cầu
<b>7. Phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của chủ tài khoản</b>	Miễn phí

## K. CHƯƠNG TRÌNH GÓI TRẢ LƯƠNG QUA HSBC <sup>(1)</sup>

<b>1. Tài khoản giao dịch (VND và ngoại tệ)</b>	
Mở tài khoản	Miễn phí
Tài khoản đóng trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	Miễn phí
Số dư tối thiểu duy trì trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	Không yêu cầu
Số dư trung bình tối thiểu hàng tháng	Lớn hơn 0 VNĐ
Phí dịch vụ nếu số dư trung bình tối thiểu hàng tháng thấp hơn quy định	Miễn phí
<b>2. Thẻ thanh toán quốc tế HSBC</b>	
Phí rút tiền mặt tại máy ATM thuộc mạng lưới VISA/PLUS ở Việt Nam <sup>(2)</sup>	Miễn phí
<b>3. Chuyển khoản (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam)</b> (đối với Phí chuyển khoản VND trong nước và nước ngoài giao dịch tại quầy – áp dụng mục G 2.1 & 2.2)	
Phí chuyển tiền VND trong nước qua Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Phí chuyển tiền ra nước ngoài qua Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Phí chuyển khoản nhanh NAPAS 24/7 qua Ứng dụng HSBC Mobile Banking	Miễn phí
<b>4. Thẻ tín dụng HSBC</b>	
Phí thường niên	
+ Thẻ chính	Miễn phí phát hành và nhận thêm ưu đãi mở thẻ cho khách hàng mới
+ Thẻ phụ	Theo biểu phí áp dụng cho Thẻ phụ tại phần F. Thẻ Tín Dụng HSBC

<sup>(1)</sup> Biểu phí ưu đãi trong Chương trình Gói Trả Lương qua HSBC áp dụng với khách hàng nhận lương hàng tháng qua tài khoản HSBC từ 10 triệu VNĐ trở lên. Ngoài các mức phí ưu đãi nêu ở mục K, các mức phí khác áp dụng theo Biểu phí còn lại.

<sup>(2)</sup> Bao gồm cả giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản liên kết với thẻ tín dụng. Phí rút tiền được miễn hoặc hoàn trả vào tháng tiếp theo.

### Điều kiện và điều khoản:

Các mức phí không bao gồm các khoản phí có thể phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn điện phí, bưu phí, phí rút tiền tại ngân hàng khác thuộc mạng Visa/PLUS, thuế và phí khác) của các ngân hàng và đơn vị khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ (nếu có). Ngân hàng có quyền ghi nợ tài khoản khách hàng cho các khoản phí, chi phí, phí phát sinh theo biểu phí này vào lúc thực hiện dịch vụ.

Các dịch vụ sẽ được tiến hành cẩn thận theo chính sách của Ngân hàng, tuy nhiên, Ngân hàng không chịu trách nhiệm nếu có mất mát, chậm trễ, sai sót, thiếu hụt hay hư hại có thể xảy ra trong quá trình gửi, chuyển các chứng từ mà những mất mát, chậm trễ, sai sót, thiếu hụt này phát sinh không phải do lỗi của Ngân hàng.

Các dịch vụ không được nêu tại biểu phí này sẽ được cấp với mức phí tương ứng được thông báo tại thời điểm yêu cầu.

Các phí nêu tại đây thay thế các phí đã thông báo trước kia và có thể được thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ và sẽ chỉ được thông báo trước khi pháp luật có yêu cầu.

Phí thường niên thẻ Tín dụng có thể được HSBC xem xét cho các nhóm đối tượng khách hàng tùy theo chính sách của Ngân hàng tại từng thời điểm.

Do tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ, số tiền phí này có thể thay đổi trong trường hợp thu phí bằng Việt Nam đồng từ giao dịch bán ngoại tệ của tài khoản ngoại tệ của khách hàng, nhưng chênh lệch không quá +/- 0.5% số tiền phí đã niêm yết.

Nếu khách hàng có nhu cầu nhận hóa đơn điện tử cho (các khoản) phí dịch vụ Tài Chính Cá Nhân, vui lòng thông báo trong ngày thực hiện dịch vụ để được hỗ trợ tại bất kỳ Chi nhánh/Phòng giao dịch của HSBC.

**Phát hành bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)**



## Personal Banking Tariff

This tariff is effective from 27/12/2024

Fees are inclusive of Value Added Tax (VAT)

### A. TRANSACTIONAL ACCOUNT (VND & FOREIGN CURRENCIES)

Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	VND300,000/account
Service charge if monthly average balance falls below the requirement (*)	VND200,000/month/account
Service charge for dormant account (account has no debit transaction for 24 months and above)	VND100,000/month/account
Account balance requirements:	
- (*) <b>Minimum monthly average balance:</b> VND3,000,000/account	
- <b>Minimum credit balance within 12 months of opening:</b> VND300,000/account	

### B. CASH TRANSACTION (NOT APPLICABLE FOR TIME DEPOSIT ACCOUNT/STEP-UP TIME DEPOSIT/SAVINGS DEPOSIT)

<b>1. Cash Deposit</b>		
VND	Large denomination (VND50,000 and above)	Free
	Small denomination (applicable for total small denomination deposit from VND10million and above per deposit)	0.22% (min VND110,000)
Foreign currency	Large denominations (above USD50 and equivalent)	Free
	Small denomination (applicable for total small denomination deposit from USD1,000 and above per deposit)	0.33% (min VND110,000)
<b>2. Cash Withdrawal</b>		
In VND		Free
In Foreign Currency	+ USD	0.22% (min VND55,000)
	+ Other currencies	0.77% (min VND110,000)
Notice:		
- For cash transactions valued from 1 billion in VND currency, customer is required to notify the Bank 24 hours at a minimum (in working day) prior to the cash request.		
- For cash transactions in foreign currency, same as above will be applied and subject to the availability of the currency at the Bank.		

### C. STATEMENT

Electronic statement for Online Banking customer	Free	
Print statement for Non-Online Banking customerchuaanr	In Vietnam	Free
	Overseas	VND110,000/ statement cycle
Request for print interim statement via Phone Banking Service or HSBC ATM	VND22,000/copy	
Request for print statement	VND22,000/copy/statement cycle + postage fee (if any)	

### D. HSBC DEBIT CARD

<b>1. Debit Card Annual fee</b>	Free
<b>2. Cash withdrawal transaction fee</b>	
In Vietnam: + HSBC ATM + VISA/PLUS network, including Techcombank ATMs <sup>(2)</sup>	Free VND 5,000/transaction
Overseas + HSBC ATMs (*) + VISA/PLUS network (**)	VND45,000/transaction VND60,000/transaction
<b>3. PIN replacement fee</b>	Free
<b>4. Sales slip retrieval fee</b>	VND100,000/copy
<b>5. Card replacement fee</b>	VND110,000/card
<b>6. Dispute investigation fee</b>	Free
<b>7. Administration fee for overseas transactions</b>	4% of transaction amount
<b>8. Annual registration fee SMS alert service for transactions on debit card and linked accounts</b>	VND 132,000/year
(*) <i>Applicable for overseas HSBC ATMs in HSBC Global ATM Switch. HSBC ATMs in some countries that are not part of the HSBC Global ATM Switch but are in the VISA/PLUS network will be considered as ATMs in the VISA/PLUS network.</i>	
(**) <i>Cash withdrawals at VISA/PLUS network might be subject to the additional charge of other banks.</i>	

### E. SELF SERVICE BANKING

<b>1. Phone Banking</b>	Free	
<b>2. Online Banking</b>	Free	
<b>3. Security device replacement (lost or damaged)</b>		
Dead battery	+ Within Vietnam	Free
	+ Overseas	VND440,000
Lost or damaged	+ Within Vietnam	VND220,000
	+ Overseas	VND550,000
Note: This fee does not include any tax and charge imposed in destination. Such taxes and charges (if any) shall be borne by customers		

### F. HSBC CREDIT CARD

		HSBC TravelOne	HSBC Platinum Online/ HSBC Live+	HSBC Cash Back	HSBC LiveFree (*)
Issuance fee (1 <sup>st</sup> year)	Primary Card	VND1,500,000	VND800,000	VND800,000	VND350,000
	Supplementary Card	Free	VND400,000	VND400,000	VND250,000
Annual Fee (2 <sup>nd</sup> year onward)	Primary Card	VND1,500,000	VND800,000	VND800,000	VND350,000
	Supplementary Card	Free	VND400,000	VND400,000	VND250,000

(\*) Annual Fee is applied for cards booked before 01 April 2022. Not apply Annual Fee for cards booked from 01 April 2022.

Cash advance fee at ATM (per transaction)	4% of cash advance amount (minimum VND50,000)
Minimum payment due	include the following amounts: (i) 5% of the outstanding balance* (minimum VND 50,000), and (ii) any installment repayment amount**, and (iii) the greater of the overdue amount or over limit amount. * The outstanding balance is statement balance amount less any installment repayment amounts ** Applicable to installment transactions made from 28 Nov 2015

## F. HSBC CREDIT CARD

Finance charge <i>(nil if no cash advance is used and the full statement balance is paid by due date of each credit card statement. The finance charge may be changed from time to time in accordance with the local regulatory requirements)</i>		HSBC TravelOne		34.0%/year	
		HSBC Platinum Online/ HSBC Live+		36.0%/year	
		HSBC Cash Back		36.0%/year	
		HSBC LiveFree		36.0%/year	
Installment Plan At Merchants Of Your Choice Program <i>(Applies to merchants not participating in 0% Interest Installment Plan program)</i>	Tenor	Group 1		Group 2	
		Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)	Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)
+ HSBC TravelOne + HSBC Platinum Online / HSBC Live+ + HSBC Cash Back	3 months	0.49%	0%	1.99%	0%
	6 months	1.49%	0%	3.99%	0%
	9 months	2.49%	0%	4.99%	0%
	12 months	2.99%	0.5%	5.99%	0%
	24 months	0.49%	0.75%	2.49%	0.75%
36 months	0.49%	0.75%	2.99%	0.75%	
+ HSBC LiveFree	3 months	0.49%	0%	1.49%	0%
	6 months	1.49%	0%	3.99%	0%
	9 months	2.49%	0%	4.99%	0%
	12 months	2.99%	0.5%	5.49%	0%
	24 months	0.49%	0.75%	2.49%	0.5%
36 months	0.49%	0.75%	2.99%	0.5%	
Installment Plan At Merchants Of Your Choice Program <i>(Applies to merchants not participating in 0% Interest Installment Plan program)</i>	Tenor	Group 3		Group 4	
		Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)	Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)
+ HSBC TravelOne + HSBC Platinum Online/ HSBC Live+ + HSBC Cash Back	3 months	2.49%	0.5%	2.99%	0.5%
	6 months	4.49%	0.5%	4.99%	0.5%
	9 months	5.49%	0.5%	5.99%	0.5%
	12 months	6.49%	0.75%	6.99%	0.75%
	24 months	2.99%	0.75%	3.49%	0.75%
36 months	3.49%	0.75%	3.99%	0.75%	
+ HSBC LiveFree	3 months	1.99%	0.5%	2.49%	0.5%
	6 months	4.49%	0.5%	4.99%	0.5%
	9 months	5.49%	0.5%	5.99%	0.5%
	12 months	4.99%	0.75%	5.49%	0.75%
	24 months	2.99%	0.75%	3.49%	0.75%
36 months	3.49%	0.75%	3.99%	0.75%	
<p>(*),(**)The conversion fee and interest rate are applicable for each customer group as defined below:</p> <p>- Group 1: Customers who have their credit cards opened more than 3 months, register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have settled full monthly payment in the last 6 months, not have any Instalment at HSBC.</p> <p>- Group 2: Customers who have their credit cards opened more than 3 months, register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have settled full monthly payment in the last 6 months, have any Instalment before at HSBC.</p> <p>- Group 3: Customers who have their credit cards opened less than 3 months or customers who register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have partial payment for the monthly statement from 1 to 3 months in the last 6 months.</p> <p>- Group 4: Customers who register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have partial payment for the monthly statement from 4 to 6 months in the last 6 months; or Customers who register for an installment plan not via HSBC Vietnam App.</p> <p>(**) Monthly interest rate is calculated monthly as a percentage of the original Instalment amount until the instalment period ends</p>					
Late charge		3% of statement balance (minimum VND80,000 – maximum VND630,000)			
Request for print statement fee		VND80,000/statement			
Over credit limit fee		HSBC TravelOne: VND100,000 HSBC Platinum Online/ HSBC Live+: VND100,000			

## F. HSBC CREDIT CARD

	HSBC Cash Back: VND100,000 HSBC LiveFree: VND50,000
Card replacement fee (For lost or damaged)	VND200,000
PIN re-issue fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy
Change credit limit fee	Free
Fee to change secured type/card type	VND100,000/request
Credit Balance Transfer fee	VND50,000/request
Dispute investigation fee (for dispute transactions found genuine)	VND100,000
Administration fee for overseas transactions	
+ HSBC TravelOne	1.99% of each transaction amount
+ HSBC Platinum Online/ HSBC Live+	3.5% of each transaction amount
+ HSBC Cash Back	3.5% of each transaction amount
+ HSBC LiveFree	3.75% of each transaction amount

## G. REMITTANCE

<b>1. Inward remittance (credit to account with HSBC Vietnam)</b>	Free	
<b>2. Outward remittance (for HSBC Vietnam account holder)</b>		
*Note: Other fees which may be charged by other banks (including but not limited to the correspondent bank fee) shall be borne by customers		
2.1. In Vietnam		
+ Paper-based	0.022% (min VND15,000 – max VND880,000)	
+ Online Banking		
- Non-instant transfer	0.022% (min VND15,000 – max VND550,000)	
- NAPAS 24/7		
▪ ≤ VND500,000	VND 2,000	
▪ ≤ VND500,000 < VND 500,000,000	0.0275% (min VND15,000)	
2.2. Overseas		
+ Remittance fee	Paper – based	0.22% (min VND440,000 – max VND4,400,000)
	Online Banking	0.11% (min VND220,000 – max VND2,200,000)
	For Immigration, Overseas Education & Medical Treatments purposes <i>(Applied to resident Vietnamese who make remittances over the counter after purchasing foreign currency at HSBC)</i>	Free
+ Overseas bank charge (in case charge type is "OUR")	VND600,000	
<b>3. Investigation/Amendment/Cancellation</b>		
+ Inside Vietnam Outward remittance	VND44,000/request	
+ Overseas Outward remittance	VND880,000/request	

## H. TIME DEPOSIT ACCOUNT/SAVINGS DEPOSIT

Lowest demand interest rate will be applied to pre-mature withdrawal.
---

## I. CHEQUE BOOK (APPLIED TO VND ONLY)

Cheque issuance	VND33,000/book
Cheque encashment	
+ The beneficiary is the drawer	Free
+ The beneficiary is not the drawer (This fee will be borne by the drawer)	0.02% (min VND11,000 – max VND1,100,000)
Cheque cancellation	VND11,000/sheet

**J. MISCELLANEOUS FEES**

<b>1. Courier charge (issued by HSBC Vietnam)</b> + Inside Vietnam + Overseas	VND110,000/letter VND440,000/letter
<b>2. Postage fee (issued by HSBC Vietnam)</b> + Inside Vietnam + Overseas	VND55,000/letter VND110,000/letter
<b>3. Standing instruction (Transfer of Fund) (set-up and amendment)</b>	Free
<b>4. Bank confirmation/ Balance certificate at a point of time</b>	VND55,000/copy
<b>5. Cash withdrawal fee for amount from VND500,000,000 within 48 hours from the time of deposit</b>	0.055% (max VND3,300,000)
<b>6. Emergency encashment for HSBC group customer</b>	VND440,000
<b>7. Account blockade as account holder's request</b>	Free

**K. HSBC PAYROLL OFFERS <sup>(1)</sup>**

<b>1. Transactional account (VND &amp; foreign currencies)</b>	
Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	Free
Minimum credit balance within 12 months of opening	Not required
Minimum monthly average balance	Greater than VND0
Service charge if average monthly balance falls below the minimum requirement	Free
<b>2. HSBC Debit Card</b>	
Cash withdrawal transaction fee at ATM in VISA/PLUS network in Vietnam <sup>(2)</sup>	Free
<b>3. Outward remittance (for HSBC Vietnam account holder)</b> (for outward remittance in Vietnam and overseas via paper based – refer to section G 2.2)	
Remittance VND in Vietnam through Online Banking fee	Free
Remittance overseas through Online Banking fee	Free
Instant outward transfer through HSBC Mobile Banking App	Free
<b>4. HSBC Credit Cards</b>	
Annual Fee	
+ Primary Card	Free issuance fee and enjoy the current promotion which is applied for new credit cardholder
+ Supplementary Card	Fee is applied as section F. HSBC CREDIT CARD for supplementary card

<sup>(1)</sup> The preferential tariff of HSBC Payroll Offers is applied for customers who receive monthly salary credit from VND 10 million via HSBC account. Apart from the preferential charges in section K, other charges follow the current tariff.

<sup>(2)</sup> Including cash withdrawal via accounts linked to credit card. Withdrawal transaction fee will be waived or refunded in the following month.

**Terms and Conditions:**

Fees are exclusive of other fees charged by involved banks and organizations (include but not limited to telecommunication, postal, cash withdrawal at Visa/PLUS ATMs, taxes and other fees). HSBC Bank (Vietnam) Ltd. shall debit the customer's account of all fees and occurring fees upon processing transactions.

While all due care will be taken, the Bank accepts no responsibility for any loss, delay, error, omission or mutilation which may occur the delivery of any documents unless such loss, delay, error, omission or mutilation originated from the Bank.

Services not listed herein will be provided upon request with fees advised accordingly.

Fees contained herein replace any previously issued fees and are subject to amendment, supplement or cancellation and only announced should be required by law.

Credit Card annual fee may be reviewed for the customer group according to the bank policy at the specific time.

Due to the foreign currency conversion rate, this fee may be subject to change in case the fee in Viet Nam dong is collected for your foreign currency selling transaction from your foreign currency account, and will be up to +/- 0.5% of the announced fees.

If customers want to receive an electronic invoice for Personal Banking service fee(s), please inform at any HSBC Branch/Transaction Office on the day applying the service for support.